TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **94**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bạn, bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Kiều Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Mai P, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Số B Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Phan Văn Q, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị Mai P trình bày:

Bà P và ông Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 19/4/2011.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu sau khi kết hôn thì bà P và ông Q chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên thời gian gần đây thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hiểu nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sứt mẽ, thường xuyên xảy ra cãi vả, ông Q không có trách nhiệm với gia đình, không tôn trọng gia đình bà P. Bà P và ông Q đã sống ly thân nhau từ tháng

01/2024 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà P được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà P và ông Q có 01 con chung là cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày 18/9/2011. Bà P hiện là giáo viên, có công việc và thu nhập ổn định, ngoài ra cháu T đang ở với bà P nên bà P có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Văn Q trình bày:

Ông Q và bà P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 19/4/2011.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu sau khi kết hôn thì ông Q và bà P chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sứt mẽ. Theo ông Q thì mâu thuẫn vợ chồng là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong gia đình. Từ tháng 01/2024 ông Q và bà P đã sống ly thân nhau. Ông Q nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông Q và bà P có 01 con chung là cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày 18/9/2011. Cháu Phan Thị Phương T đang ở với bà P. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông Q đồng ý với nguyện vọng của cháu T. Nếu cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ thì ông Q đồng ý giao cháu T cho bà P là người trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu cháu T có nguyện vọng được ở với bố thì ông Q có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cháu T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Mai P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Mai P được ly hôn với ông Phan Văn Q.

Về con chung: Giao cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày 18/9/2011 cho bà Đoàn Thị Mai P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ông Phan Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đoàn Thị Mai P và ông Phan Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Thị Mai P và ông Phan Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Đoàn Thị Mai P phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Q và giải quyết nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"; bị đơn ông Q cư trú tại số A P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 19/4/2011.

Theo bà P và ông Q trình bày, trong thời gian chung sống với nhau bà P và ông Q phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà P và ông Q không hiểu nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sứt mẽ, xảy ra cãi vả nhau và đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2024 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho cả hai, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn yêu thương nhau nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà P được ly hôn với ông Q. Ông Q không đồng ý ly hôn với bà P vì ông Q cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là những mâu thuẫn nhỏ nhặt và nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với bà Phương

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, nơi bà P và ông Q chung sống. Đại diện chính quyền địa phương cho biết: Trong thời gian bà P và ông Q chung sống với nhau tại địa phương thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông Q được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Mặc dù ông Q xác định vẫn còn tình cảm và không muốn ly hôn với bà P. Tuy nhiên trong thời gian chung sống với nhau thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, hiện nay đã sống ly thân, đã thể hiện mâu thuẫn giữa bà P và ông Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau bà P và ông Q có 01 con chung là cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày 18/9/2011.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày 18/9/2011, đang do bà P trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc. Cháu T có nguyện vọng được ở với bà P. Mặt khác ông Q đồng ý theo nguyện vọng của cháu T, giao cháu T cho bà P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Do đó để đảm bảo cho lợi ích phát triển ổn định của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu T cho bà P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ.

Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà P phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bị đơn ông Q không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Mai P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Mai P được ly hôn với ông Phan Văn Q.

Về con chung: Giao cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày 18/9/2011 cho bà Đoàn Thị Mai P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ông Phan Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đoàn Thị Mai P và ông Phan Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Thị Mai P và ông Phan Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Đoàn Thị Mai P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0009709 ngày 26 tháng 3 năm 2024.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. B;
- UBND phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu Hồ Sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My